

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 28 tháng 7 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 04/7/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Vân Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	32	Hứa Văn Lập	7,50	Bảy phẩy năm
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	33	Nông Thùy Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Hoàng Văn Biên	7,50	Bảy phẩy năm	34	Nguyễn Thị Linh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Bình	8,25	Tám phẩy hai năm	35	Lương Quang Linh	7,00	Bảy
5	Nông Văn Chấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	36	Nguyễn Thùy Mai	8,00	Tám
6	Tô Quỳnh Châu	7,00	Bảy	37	Lý Thị Ngọc Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Nguyễn Đình Chiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	38	Phạm Đại Nam	8,25	Tám phẩy hai năm
8	Nông Văn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	39	Linh Thị Ngà	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Trần Thùy Dương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Nông Đình Nghĩa	7,00	Bảy
10	Ngân Bích Duyên	8,00	Tám	41	Bùi Thị Hồng Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
11	Ngân Thế Duyệt	8,00	Tám	42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,00	Tám
12	Lãnh Ngọc Hiên	8,00	Tám	43	Đào Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Lê Thị Hiên	7,50	Bảy phẩy năm	44	Vi Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Triệu Quang Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Nông Thị Hiệu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Vi Minh Quang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Nông Trịnh Hổ	7,50	Bảy phẩy năm	47	Tô Thị Quyên	8,00	Tám
17	Hà Mộng Hoa	8,00	Tám	48	Đinh Văn Tập	7,25	Bảy phẩy hai năm
18	Lương Văn Hợi	8,00	Tám	49	Nguyễn Hữu Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Thúy Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Long Văn Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Đàm Thị Thu Huế	8,00	Tám	51	Đàm Hải Thao		Không đủ điều kiện thi
21	Vũ Thu Hương	8,00	Tám	52	Nông Thị Minh Thu	7,50	Bảy phẩy năm
22	Nông Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Đặng Thanh Thùy	8,25	Tám phẩy hai năm
23	Đinh Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	54	Đàm Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
24	Đàm Thị Huyền	8,00	Tám	55	Lê Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Dkt

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
25	Ma Thị Huyền	8,00	Tám	56	Đàm Thanh Tình	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Cao Thanh Kiều	8,00	Tám	57	Thang Thành Trung	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Lục Hồng Kỳ	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nguyễn Minh Tuấn	8,00	Tám
28	Phùng Thị Hồng Lan	7,50	Bảy phẩy năm	59	Phạm Minh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
29	Thân Thị Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Lưu Đức Tùng	8,00	Tám
30	Lâm Thị Lan	8,00	Tám	61	Trần Văn Việt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Nguyễn Thị Xuân		Thôi học

GHI ĐIỂM

DHlo

Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Phuong

Trương Thị Phương

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Heo

Hoàng Việt Hưng